|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

QT/BQLĐTĐH/14/BM04

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 20*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo:

Mã ngành:

Loại hình đào tạo:

Khóa:

**II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Mục tiêu đào tạo (PO-** **Program Objectives)**

PO1:

PO2:

PO3:

…..

**2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO - Program Learning Outcomes)**

|  |  |
| --- | --- |
| Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có khả năng: | |
| **NĂNG LỰC TỔNG QUÁT** *(Nhóm môn đại cương, cơ sở ngành sẽ đóng góp hình thành chính PLO này)* | |
| PLO1: | *PI1.1[[1]](#footnote-1):* |
| *…* |
| PLO2: | *PI2.1* |
| *…* |
| **NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN** *(Nhóm môn chuyên ngành sẽ đóng góp hình thành chính các PLO này)* | |
| ……. | *PI…* |
| *PI…* |
| **KỸ NĂNG** | |
| PLO…. | *PI…* |
| *PI…* |
| **NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM** | |
| PLO…. | *PI…* |
| *PI…* |
| PLO…. | *PI…* |
| *PI…* |

**3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của CTĐT (POs)** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOx)** | | | | |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO…** |
| PO1 |  |  |  |  |  |
| PO2 |  |  |  |  |  |
| PO3 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |

**4. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp**

*4.1. Tiêu chí tuyển sinh (chuẩn đầu vào)*

*4.2. Điều kiện tốt nghiệp*

*Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện được quy định tại Quyết định số……/ QĐ-ĐHTDMU*

**5. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học**

*5.1. Cơ hội việc làm*

*Ghi rõ các vị trí việc làm sau tốt nghiệp (ngắn gọn)*

*5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp*

Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.

**6. Văn bằng tốt nghiệp**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ nhận bằng: *Cử nhân/ Kỹ sư/ Kiến trúc sư*

**7. Quy trình đào tạo**

Quy trình tổ chức đào tạo được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ do trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành.

**III. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Cấu trúc chương trình đào tạo chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | **Loại học phần** | | | |
| **BB (…%)** | **TC (…%)** | **LT (…%)** | **TH (…%)** |
| **1** | **Kiến thức giáo dục đại cương** | **…** |  |  |  |  |
| 1.1 | Kiến thức lý luận chính trị, pháp luật |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Kiến thức khoa học cơ bản |  |  |  |  |  |
| 1.3 | Kiến thức bổ trợ |  |  |  |  |  |
| **2** | **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Kiến thức chuyên ngành |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Thực tập tốt nghiệp |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp |  |  |  |  |  |
| **3** | **Tổng số tín chỉ toàn khóa** |  |  |  |  |  |
| Không bao gồm các học phần là điều kiện xét tốt nghiệp gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng-an ninh (8 tín chỉ) | | | | | | |

**2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể**

| Số TT | Tên học phần | Số tín chỉ | | Loại HP | | Điều kiện | | Học kỳ *(dự kiến)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước/TQ | Song hành |
| **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: ……..TC (Bắt buộc: ……TC; Tự chọn:…….TC)** | | | | | | | | |
| **Kiến thức chung** | | *…..* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Pháp luật đại cương (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 1.1 |
| 2 | Phương pháp nghiên cứu khoa học (3+0) | 3 | 0 | x |  |  |  | 1.2 |
| 3 | Triết học Mác - Lênin (3+0) | 3 | 0 | x |  |  |  | 1.2 |
| 4 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 2.1 |
| 5 | Chủ nghĩa xã hội khoa học (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 2.2 |
| 6 | Tư tưởng Hồ Chí Minh (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 3.1 |
| 7 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 3.2 |
| **Kiến thức khoa học cơ bản** | | *….* |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kiến thức bổ trợ** | | *…..* |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP: …..TC (Bắt buộc: …TC; Tự chọn: … TC)** | | | | | | | | |
| **Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành** | | *…..* |  |  |  |  |  |  |
| ***I*** | ***Nhóm HP bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Nhóm HP tự chọn*** *(SV chọn tối thiểu … tín chỉ)* |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  | *Nhóm HP TC* |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kiến thức chuyên ngành** | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I*** | ***Nhóm HP bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Nhóm HP tự chọn*** *(SV chọn tối thiểu … tín chỉ)* |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  | Nhóm HP TC … |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |  | Chọn 1 trong 3 HP |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Học phần nghề nghiệp (trải nghiệm nghề nghiệp)** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Học phần thực tập tốt nghiệp (tập sự nghề nghiệp)** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Học phần tốt nghiệp** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KHỐI KIẾN THỨC ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP**: 13 TC | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục thể chất (Lý thuyết) (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 1.3 |
| 2 | Giáo dục thể chất (Thực hành) (0+3) | 0 | 3 | x |  |  |  | 1.3 |
| 3 | Giáo dục Quốc phòng an ninh (5+0) | 5 | 0 | x |  |  |  | 1.3 |
| 4 | Thực hành Giáo dục quốc phòng an ninh (0+3) | 0 | 3 | x |  |  |  | 1.3 |

***3. Kế hoạch giảng dạy***

**Học kỳ 1.1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | | **Học phần học trước /tiên quyết /song hành** | **Bắt buộc/ Tự chọn** |
| **LT** | **TH** |
| 1 |  |  |  | TQ | BB |
| 2 |  |  |  | SH | BB |
| ….. |  |  |  |  |  |
| **Tổng: … TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)** | |  |  |  |  |

………

**Học kỳ x.y**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | | **Học phần học trước /tiên quyết /song hành** | **Bắt buộc/ Tự chọn** |
| **LT** | **TH** |
| 1 |  |  |  | TQ | BB |
| 2 |  |  |  | SH | BB |
|  | *Nhóm học phần tự chọn (đặt các học phần theo từng nhóm học phần, đảm bảo tương đương số tín chỉ và tính chất lý thuyết/ thực hành)* |  |  |  | TC |
| 3.1 |  |  |  |  |  |
| 3.2 |  |  |  |  |
| 4.1 |  |  |  | … |  |
| 4.2 |  |  |  |  |
| **Tổng: … TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)** | |  |  |  |  |

***4. Mô tả học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên học phần** | **Tóm tắt học phần** |
| 1 | Triết học Mác – Lênin |  |
| 2 | …… |  |
| … | …. |  |

***5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT***

| **Học kỳ theo phân bố chuẩn CTĐT** | **Mã học phần** | **TÊN HỌC PHẦN** | **Số tín chỉ** | **Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI** | | | | | **Tổng hợp các mức độ đóng góp của một học phần** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | | **PLOx** | | |
| **PI1.1** | **PI1..** | **PIx.1** | **PIx.2** | **…** | **Số lượng học phần cốt lõi A** | **Mức I** | **Mức R** | **Mức M** |
|  | **HP bắt buộc** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | HP 1 |  | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | HP2 |  | **M,A** | **I** |  |  |  |  |  |  |  |
| **..** |  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **HP tự chọn** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng hợp số lượng HP theo các mức độ đóng góp đối với PLO/PI** | | |  | **2** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức I | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức I | | |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức M | | |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số lượng học phần cốt lõi A | | |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đề cương chi tiết học phần**

*Xem Phụ lục I. Đề cương chi tiết học phần*

**IV. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

*Xem Phụ lục II. Phương pháp giảng dạy và Kiểm tra đánh giá*

**V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ**

**1. Đội ngũ giảng viên duy trì chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên, năm sinh** | **Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp** | **Ngành/**  **Chuyên ngành**  **(ghi trên văn bằng)** | **Học phần giảng dạy** | **Giảng viên cơ hữu (GVCH)/ Giảng viên thỉnh giảng (GVTG)** |
| 1 | Nguyễn Văn A, 1960 | TS, 2000 | Du lịch | Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt (2+0)  ….. | GVCH |
| … |  |  |  |  | GVTG |

**2. Cán bộ quản lý cấp khoa và đội ngũ hỗ trợ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên, ngày sinh** | **Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp** | **Ngành/**  **Chuyên ngành**  **(ghi đúng trên văn bằng)** | **Chức vụ** |
| 1 | Nguyễn Văn A, 1960 | TS, 2000 | Du lịch | Trưởng khoa/Phó khoa |
|  | … | … | .. | Phụ trách Bộ môn |
|  |  |  |  | Chánh văn phòng |
|  |  |  |  | Thư ký |

**3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu**

*Xem Phụ lục III. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu*

**VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thủ Dầu Một về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ.

- Chương trình này được định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến thường xuyên nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

**VII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được Trường/Khoa/Viện, Bộ môn áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng Khoa/ Viện quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá, đo lường chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trong chu kỳ đào tạo và khi hoàn tất chu kỳ đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tối đa 5 năm một lần, Trưởng đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG ĐƠN VỊ** | **PHỤ TRÁCH BỘ MÔN/NGÀNH** |
| **HIỆU TRƯỞNG** | |

**Phụ lục I**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

……..

**Phụ lục II**

**PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên học phần** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **Phương pháp giảng dạy** | **Phương pháp kiểm tra đánh giá** | **PLOx/ PIx.y** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Phụ lục III**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

***3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo***

| **STT** | **Hạng mục** | **Số lượng** | **Học phần** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập |  |  |  |
| 2 | Phòng họa thất, vẽ, máy…. |  |  |  |
| … | …. |  |  |  |

***3.2. Học liệu phục vụ thực hiện chương trình đào tạo***

| **STT** | **Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)** | **Tên tác giả** | **Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước** | **Tên học phần sử dụng sách, tạp chí** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

A blue and white logo

Description automatically generated

QT/BQLĐTĐH/14/BM10



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

**BẢN MÔ TẢ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÀNH/  CHUYÊN NGÀNH:** |  |
| **TÊN TIẾNG ANH:** |  |
| **MÃ SỐ NGÀNH:** |  |
| **LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:** |  |
| **KHOA QUẢN LÝ:** |  |

**NĂM 202…**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 20…..*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên chương trình: | … |
| * Đơn vị cấp bằng: | Trường … |
| * Tên bằng cấp: | (Tiếng Việt) |
| * Mã ngành đào tạo | … |
| * Hình thức học tập | … |
| * Thời gian đào tạo | … năm |

**2. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG**

*2.1. Triết lý giáo dục*

*2.2. Tầm nhìn*

*2.3. Sứ mạng*

**3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

***3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo (PO- Program Objectives)***

PO1:

PO2:

PO3:

***3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO - Program Learning Outcomes)***

|  |  |
| --- | --- |
| Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có khả năng: | |
| **NĂNG LỰC TỔNG QUÁT** *(Nhóm môn đại cương, cơ sở ngành sẽ đóng góp hình thành chính PLO này)* | |
| PLO1: | *PI1.1[[2]](#footnote-2):* |
| *…* |
| PLO2: | *PI2.1* |
| *…* |
| **NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN** *(Nhóm môn chuyên ngành sẽ đóng góp hình thành chính các PLO này)* | |
| ……. | *PI…* |
| *PI…* |
| **KỸ NĂNG** | |
| PLO…. | *PI…* |
| *PI…* |
| **NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM** | |
| PLO…. | *PI…* |
| *PI…* |
| PLO…. | *PI…* |
| *PI…* |

***3.3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo***

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của CTĐT (PO)** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)** | | | | |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO…** |
| PO1 |  |  |  |  |  |
| PO2 |  |  |  |  |  |
| PO3 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |

***3.4. Ma trận thể hiện sự tương thích CĐR CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Na******m và các khung năng lực nghề nghiệp khác (nếu có)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra của CTĐT** | | **Khung trình độ Quốc gia theo QĐ 1982/QĐ-TTg** |
| PLO1: ……………. | PI1.1: …………….. | *(Ghi rõ nội dung, ví dụ: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.)* |
| PI1.2: …………….. |  |
| …. |  |
| …. |  |  |

***Lập Bảng tương tự cho khung năng lực nghề nghiệp (nếu có)***

**4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC**

*4.1. Cơ hội việc làm*

- ……….

*4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp*

Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.

**5. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

*5.1. Tiêu chí tuyển sinh*

*5.2. Điều kiện tốt nghiệp*

**6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

***6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo chung***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | **Loại học phần** | | | |
| **BB (…%)** | **TC (…%)** | **LT (…%)** | **TH (…%)** |
| **1** | **Kiến thức giáo dục đại cương** | **…** |  |  |  |  |
| 1.1 | Kiến thức lý luận chính trị, pháp luật |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Kiến thức khoa học cơ bản |  |  |  |  |  |
| 1.3 | Kiến thức bổ trợ |  |  |  |  |  |
| **2** | **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Kiến thức chuyên ngành |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Thực tập tốt nghiệp |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp |  |  |  |  |  |
| **3** | **Tổng số tín chỉ toàn khóa** |  |  |  |  |  |
| Không bao gồm các học phần là điều kiện xét tốt nghiệp gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng-an ninh (8 tín chỉ) | | | | | | |

***6.2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể***

| Số TT | Tên học phần | Số tín chỉ | | Loại HP | | Điều kiện | | Học kỳ *(dự kiến)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước/TQ | Song hành |
| **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: ……..TC (Bắt buộc: ……TC; Tự chọn:…….TC)** | | | | | | | | |
| **Kiến thức chung** | | *…..* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Pháp luật đại cương (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 1.1 |
| 2 | Phương pháp nghiên cứu khoa học (3+0) | 3 | 0 | x |  |  |  | 1.2 |
| 3 | Triết học Mác - Lênin (3+0) | 3 | 0 | x |  |  |  | 1.2 |
| 4 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 2.1 |
| 5 | Chủ nghĩa xã hội khoa học (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 2.2 |
| 6 | Tư tưởng Hồ Chí Minh (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 3.1 |
| 7 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 3.2 |
| **Kiến thức khoa học cơ bản** | | *….* |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  | 2 | 0 |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  | 2 | 0 |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kiến thức bổ trợ** | | *…..* |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP: ..TC (Bắt buộc: ……TC; Tự chọn:…….TC)** | | | | | | | | |
| **Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành** | | *…..* |  |  |  |  |  |  |
| ***I*** | ***Nhóm HP bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Nhóm HP tự chọn*** *(SV chọn tối thiểu … tín chỉ)* |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  | *Nhóm HP TC* |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kiến thức chuyên ngành** | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I*** | ***Nhóm HP bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Nhóm HP tự chọn*** *(SV chọn tối thiểu … tín chỉ)* |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  | Nhóm HP TC … |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |  | Chọn 1 trong 3 HP |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Học phần nghề nghiệp (trải nghiệm nghề nghiệp)** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Học phần thực tập tốt nghiệp (tập sự nghề nghiệp)** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Học phần tốt nghiệp** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KHỐI KIẾN THỨC ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP**: 13 TC | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục thể chất (Lý thuyết) (2+0) | 2 | 0 | x |  |  |  | 1.3 |
| 2 | Giáo dục thể chất (Thực hành) (0+3) | 0 | 3 | x |  |  |  | 1.3 |
| 3 | Giáo dục Quốc phòng an ninh (5+0) | 5 | 0 | x |  |  |  | 1.3 |
| 4 | Thực hành Giáo dục quốc phòng an ninh (0+3) | 0 | 3 | x |  |  |  | 1.3 |

***6.3. Kế hoạch đào tạo cụ thể***

**Học kỳ 1.1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | | **Học phần học trước /tiên quyết /song hành** | **Bắt buộc/ Tự chọn** |
| **LT** | **TH** |
| 1 |  |  |  | TQ | BB |
| 2 |  |  |  | SH | BB |
| ….. |  |  |  |  |  |
| **Tổng: … TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)** | |  |  |  |  |

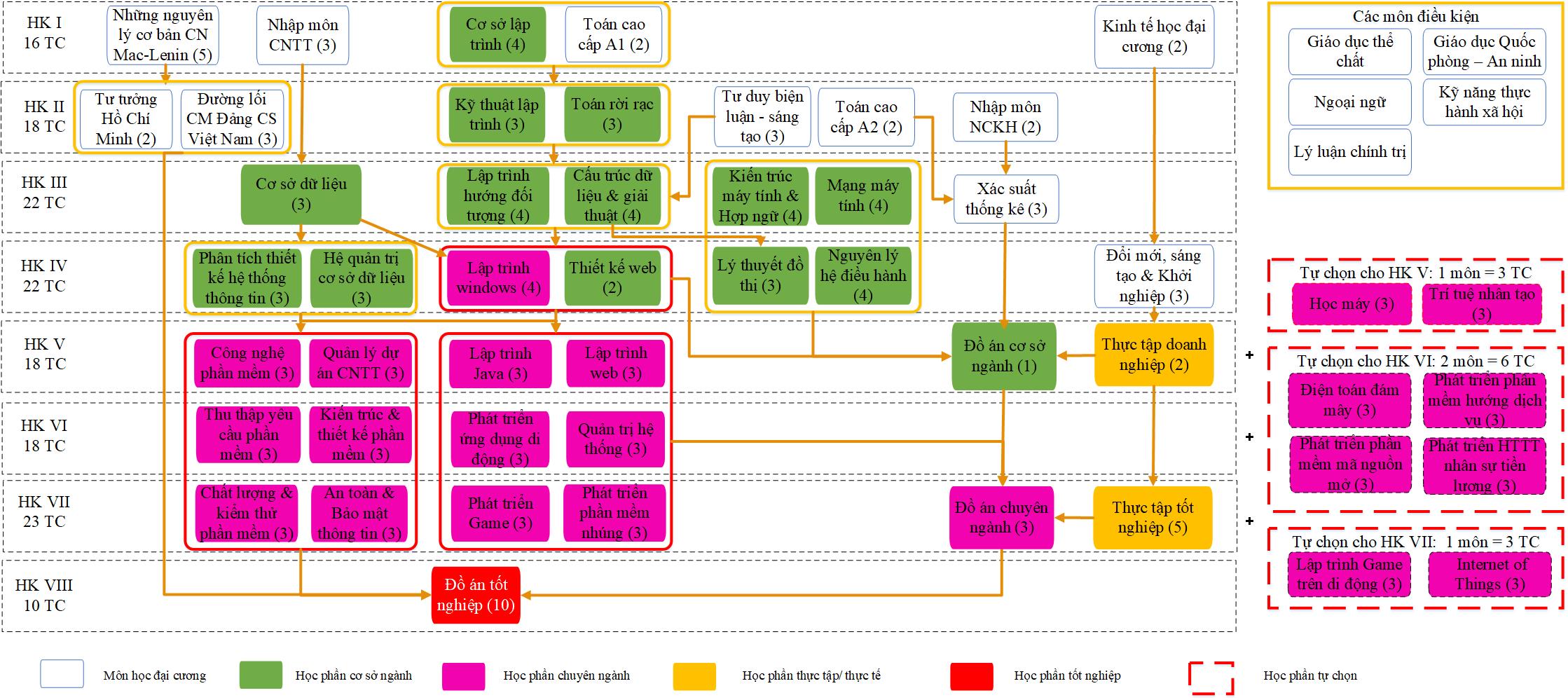
………

**Học kỳ x.y**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | | **Học phần học trước /tiên quyết /song hành** | **Bắt buộc/ Tự chọn** |
| **LT** | **TH** |
| 1 |  |  |  | TQ | BB |
| 2 |  |  |  | SH | BB |
|  | *Nhóm học phần tự chọn (đặt các học phần theo từng nhóm học phần, đảm bảo tương đương số tín chỉ và tính chất lý thuyết/ thực hành)* |  |  |  | TC |
| 3.1 |  |  |  |  |  |
| 3.2 |  |  |  |  |
| **Tổng: … TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)** | |  |  |  |  |

***6.4. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)***

*(ví dụ minh họa từ Chương trình kỹ thuật phần mềm)*



***6.5. Mô tả các học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên học phần** | **Tóm tắt học phần** |
| 1 | Triết học Mác – Lênin |  |
| 2 | …… |  |
| … | …. |  |

***6.6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT***

| **Học kỳ theo phân bố chuẩn CTĐT** | **Mã học phần** | **TÊN HỌC PHẦN** | **Số tín chỉ** | **Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI** | | | | | **Tổng hợp các mức độ đóng góp của một học phần** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | | **PLOx** | | |
| **PI1.1** | **PI1..** | **PIx.1** | **PIx.2** | **…** | **Số lượng học phần cốt lõi A** | **Mức I** | **Mức R** | **Mức M** |
|  | **HP bắt buộc** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | HP 1 |  | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | HP2 |  | **M,A** | **I** |  |  |  |  |  |  |  |
| **..** |  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **HP tự chọn** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng hợp số lượng HP theo các mức độ đóng góp đối với PLO/PI** | | |  | **2** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức I | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức I | | |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức M | | |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số lượng học phần cốt lõi A | | |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |

***6.7. Chương trình đào tạo đối sánh***

(đưa phần đối sánh CTĐT theo biểu mẫu 03)

***6.8. Đề cương chi tiết các học phần***

(Phụ lục đính kèm)

**7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên học phần** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **Phương pháp giảng dạy** | **Phương pháp kiểm tra đánh giá** | **PLOx/ PIx.y** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**8. CÁC DOANH NGHIỆP ĐỐI TÁC, MOU**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên doanh nghiệp/MOU | Địa chỉ |
|  |  |
|  |  |

**9. CỰU SINH VIÊN TIÊU BIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên sinh viên | Khóa | Tên công ty |
| … |  |  |
| … |  |  |

**10. CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG**

***10.1. Hoạt động trải nghiệm***

*- Gặp mặt đầu năm.*

*- Lễ nhập môn.*

*- Họp mặt đầu năm, mời chuyên gia thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau chia sẻ về ngành nghề, nhu cầu và yêu cầu tuyển dụng.*

*- Seminar với chuyên gia chia sẻ yêu cầu nhà tuyển dụng, giúp sinh viên xác định kỹ năng cần thiết của các lĩnh vực nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng.*

*- Seminar hướng dẫn sinh viên tìm hiểu hồ sơ xin việc, viết CV, thư giới thiệu, thư cảm ơn.*

*- Seminar hướng nghiệp: Tìm hiểu kế hoạch của sinh viên sau khi tốt nghiệp, lĩnh vực/ vị trí việc làm mong muốn, định hưỡng lĩnh vực thực tập và tốt nghiệp; định hưỡng lĩnh vực thực tập – tốt nghiệp và nơi thực tập cho sinh viên; Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về vị trí công việc muốn ứng tuyển, mô tả yêu cầu công việc, lập kế hoạch để bổ sung các kỹ năng/ kinh nghiệm nhằm đạt được yêu cầu công việc.*

*- Các buổi sinh hoạt học thuật với các chuyên gia trong và ngoài nước.*

*- Hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, tham gia các kỳ thi, giải thưởng*

*…..*

***10.2. Hoạt động dịch vụ, phục vụ cộng đồng***

*- Hiến máu nhân đạo*

*- Xuân tình nguyện*

*- Mùa hè xanh…*

*- Giao lưu, trao đổi sinh viên….*

*…….*

**11. CÁC THÔNG TIN HỖ TRỢ KHÁC**

* Cán bộ quản lý cấp khoa/ viện, chương trình đào tạo và đội ngũ hỗ trợ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên, ngày sinh | Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp | Ngành/Chuyên ngành  (ghi đúng trên văn bằng) | Chức vụ |
| 1 | Nguyễn Văn A, 1960 | TS, 2000 | Du lịch | Trưởng đơn vị |
|  | … | … | .. | Phụ trách Bộ môn |
|  |  |  |  | Chánh văn phòng |
|  |  |  |  | Thư ký |

**12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢN MÔ TẢ**

*Gợi ý viết: Bản mô tả CTĐT này là tài liệu cung cấp toàn bộ các thông tin về CTĐT…..Bản mô tả giúp sinh viên có nguyện vọng học tại Trường hiểu về CTĐT…..; là nguồn cung cấp thông tin cho nhà tuyển dụng/các bên liên quan về kiến thức, kỹ năng, năng tự chủ và trách nhiệm thông qua chương trình; là cơ sở để CTĐT….thu thập các thông tin phản hồi để cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được chuẩn đầu của chương trình đồng thời là tài liệu giúp Nhà Trường rà soát các hoạt động nội bộ và giám sát các hoạt động của CTĐT. Để biết thêm chi tiết về nội dung CTĐT …., hãy liên hệ trực tiếp….. để chương trình hỗ trợ.*

**13. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiên bản** | **Người phụ trách chỉnh sửa** |
| Lần …, ngày … |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG ĐƠN VỊ** | **PHỤ TRÁCH BỘ MÔN/NGÀNH** |
| **HIỆU TRƯỞNG** | |

1. PI: *Performance Indicator: chỉ báo* [↑](#footnote-ref-1)
2. PI: *Performance Indicator: chỉ báo* [↑](#footnote-ref-2)